

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/01/2026
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đình Sỹ, ông Nguyễn Huy Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

Ngày 28/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2025/HNGĐ-ST, ngày 24/11/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm và ấn định thời gian mở lại phiên tòa số 10/2026/QĐST – HNGĐ ngày 16/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985; Căn cước công dân số D; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1981; Căn cước công dân số 042081014081; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Trần Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau vào ngày 09/01/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên nội ở thôn H, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Cuộc sống vợ chồng bình thường, cho

đến năm 2015 giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị đi làm ăn xa, nên thường xuyên bị nghi ngờ, ghen tuông, giữa vợ chồng có nhiều khác biệt về suy nghĩ và cách sống, thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau, nhiều vấn đề mâu thuẫn trong cuộc sống không thể hóa giải. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, tình cảm, hạnh phúc hôn nhân không tồn tại trên thực tế. Nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống không ràng buộc gì nhau.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Văn S có 02 con chung: Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 29/9/2008, Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/6/2012. Hiện các cháu đang sống cùng anh S. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mạnh H1 đến tuổi trưởng thành, giao anh Nguyễn Văn S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh T đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày*: Về thời gian, địa điểm kết hôn giống như chị H đã trình bày, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà nội tại thôn H, xã Đ. Năm 2010, chị H đi xuất khẩu lao động ở M, năm 2011 chị H về nước, sinh xong con thứ hai chị H đi Đài Loan 03 năm, năm 2015 chị H về nước được khoảng 20 ngày thì tiếp tục đi Đài Loan 08 năm. Sau 08 năm chị H về nước được 15 ngày và tiếp tục đi Đài Loan 03 năm nữa, nên khoảng thời gian vợ chồng sống gần gũi nhau là rất ít, vợ chồng không có tình cảm gì với nhau nữa nên chị H làm đơn ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung anh cũng thống nhất như trình bày của chị H vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 29/9/2008, Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/6/2012, các con sống cùng anh từ nhỏ đến nay vì mẹ thường đi làm ăn xa, nhưng nếu chị H muốn nhận nuôi một con hay hai con thì anh cũng đồng tình, về cấp dưỡng nuôi con anh không có ý kiến gì vì từ lâu nay anh đều cũng tự làm nuôi con được. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, anh S từ chối ký biên bản lấy lời khai với lý do chị H là vợ nhưng bỏ bê chồng con, thường đi làm ăn xa, nay về yêu cầu ly hôn đó là việc của chị, Tòa muốn giải quyết thế nào là việc của Tòa. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh đều vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên xét xử.

* *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trần Thị H đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại 02 phiên xét xử là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn S; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 29/9/2008 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/6/2012 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn S đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại thôn H, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Trần Thị H, yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn S và yêu cầu được nuôi con chung do đó xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị H quá trình giải quyết vụ án đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại 02 phiên xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm

b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn S theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S đã tuân thủ các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 09/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh). Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bên nội tại thôn H, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H đi làm ăn xa, giữa vợ chồng có nhiều khác biệt về suy nghĩ và cách sống, thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau, nhiều vấn đề mâu thuẫn trong cuộc sống không thể hóa giải, theo trình bày của anh S, vợ chồng kết hôn đến nay gần 20 năm nhưng thực tế khoảng thời gian chung sống cùng nhau không nhiều. Hiện tại, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau và đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và trên cơ sở tình trạng hôn nhân thực tế của chị H, anh S, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S có 02 con chung: Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 29/9/2008, Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/6/2012. Khi ly hôn, chị H đề nghị mỗi người nuôi một con chung, anh S cũng đồng tình nội dung này. Xét thấy, từ nhỏ đến nay vì chị H thường đi làm ăn xa, các cháu sống cùng anh S. Nhưng hiện tại chị H đã về nước, điều kiện học tập và sinh hoạt của các cháu cũng rất tốn kém. Do đó, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh và điều kiện học tập, thể chất, tinh thần của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình giao mỗi người nuôi một con chung theo trình bày của anh chị và nguyện vọng của các cháu là phù hợp: Giao con chung Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 29/9/2008 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/6/2012 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 29/9/2008 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/6/2012 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0000647, ngày 21/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí chị H đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 3 - Hà Tĩnh;
- THA Dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Đan Hải (để xóa ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Lê Thị Hạnh

